

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của **JPA International**

Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Chi nhánh Đà Nẵng : 63/5 Trần Quốc Toàn, Phường Phước Ninh,

Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/07/2023. Tại lần điều chỉnh này, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán là BTN.

Vốn điều lệ: 44.655.700.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 31/12/2024: 44.655.700.000 đồng

2. Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định, Việt Nam.
- Điện thoại : 02563.832809; 02563.832176; 02563.832121; 02563.832254
- Fax : 02563.832809
- Email : pkbt@tuynenbinhdinh.com.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nén, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Mậu Hoàng	Chủ tịch	01/02/2024	
	Phó chủ tịch	08/07/2023	01/02/2024
Ông Trần Mạnh Hùng	Thành viên	09/07/2023	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Mai Thế Dũng	Chủ tịch	08/08/2022	01/02/2024
	Thành viên	01/02/2024	17/08/2024
Ông Ngô Quốc Vương	Thành viên	26/03/2021	17/07/2024
Bà Nguyễn Thị Thắm	Thành viên	08/07/2023	17/08/2024
Ông Đặng Trí Đức	Thành viên	17/08/2024	
Ông Phạm Đình Lộc	Thành viên	17/08/2024	

4.2 Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Chu Quý Dương	Trưởng ban	08/07/2023	
Ông Ngô Văn Quang	Thành viên	07/08/2022	
Bà Đinh Thị Hà	Thành viên	08/07/2023	

4.3 Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm / Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Mạnh Hùng	Giám đốc	26/03/2021	
Bà Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	05/07/2021	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Mạnh Hùng, Giám đốc Công ty (bổ nhiệm lại ngày 26 tháng 03 năm 2021).

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 35.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các số kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Ông Nguyễn Mậu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty đã ủy quyền cho Ông Trần Mạnh Hùng – Thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 13/2025/UQ-HĐQT ngày 07/02/2025. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị,



TRẦN MẠNH HÙNG

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bình Định, ngày 20 tháng 03 năm 2025

11/11/2025



5
H
T
Y
N
T
A
N
H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2025, từ trang 07 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến thuyết minh số VIII.4 của Báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ trong năm là (10.234.604.490) đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là (38.307.615.910) đồng và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 33.612.850.099 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, các cổ đông cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục hồi sản xuất. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

TP. Đà Nẵng, ngày 20 tháng 03 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng-**VIETVALUES**



Trần Xuân Thạnh - Giám đốc Chi nhánh

Giấy CNDKHN số: 1650-2023-071-1

Chữ ký được uỷ quyền

Trần Quốc Bảo - Kiểm toán viên

Giấy CNDKHN số: 5199-2021-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.505.268.694	10.243.508.818
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	78.782.731	151.961.197
111	1. Tiền		78.782.731	151.961.197
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.767.093.526	4.988.746.466
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	1.664.713.189	4.306.082.632
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.116.859.760	708.637.475
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	14.394.218	2.900.000
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(28.873.641)	(28.873.641)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	2.056.818.109	3.195.141.495
141	1. Hàng tồn kho		2.556.705.752	3.330.515.792
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(499.887.643)	(135.374.297)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.602.574.328	1.907.659.660
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	116.407.405	75.119.044
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.486.166.923	1.832.540.616
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		50.391.005.183	54.434.049.146
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		50.015.355.649	54.049.008.374
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	50.015.355.649	54.049.008.374
222	- Nguyên giá		92.503.439.339	92.503.439.339
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.488.083.690)	(38.454.430.965)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	- Nguyên giá		-	-
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
231	- Nguyên giá		-	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		375.649.534	385.040.772
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	375.649.534	385.040.772
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		56.896.273.877	64.677.557.964

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 12/15, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		44.160.126.534	41.706.806.131
310	I. Nợ ngắn hạn		40.118.118.793	34.713.990.390
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	1.948.655.898	3.315.710.989
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	1.013.421.151	37.426.253
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	269.509.866	349.028.018
314	4. Phải trả người lao động	V.12	741.567.999	-
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	8.038.525.473	3.956.732.645
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14a	1.036.426.798	819.711.217
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	26.113.801.038	25.139.547.199
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	956.210.570	1.095.834.069
330	II. Nợ dài hạn		4.042.007.741	6.992.815.741
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.14b	374.830.000	350.950.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	3.667.177.741	6.641.865.741
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		12.736.147.343	22.970.751.833
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	12.736.147.343	22.970.751.833
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.655.700.000	44.655.700.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.655.700.000	44.655.700.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
415	2. Cổ phiếu quỹ		(688.080.000)	(688.080.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		7.076.143.253	7.076.143.253
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(38.307.615.910)	(28.073.011.420)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước		(28.073.011.420)	(19.963.231.119)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		56.896.273.877	64.677.557.964

Bình Định, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Người lập biểu


TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng


LÊ THẢO PHƯƠNG

Giám Đốc

**TRẦN MẠNH HÙNG**

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	17.491.992.035	46.788.919.472
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		17.491.992.035	46.788.919.472
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	17.773.248.209	44.369.620.078
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(281.256.174)	2.419.299.394
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	175.097	317.813
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	4.612.020.730	3.823.483.923
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.612.020.730	3.823.483.923
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	2.410.148.082	2.652.843.744
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.373.755.200	2.161.408.120
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.677.005.089)	(6.218.118.580)
31	11. Thu nhập khác	VI.7	13.452.446	34.971.434
32	12. Chi phí khác	VI.8	571.051.847	1.926.633.155
40	13. Lợi nhuận khác		(557.599.401)	(1.891.661.721)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.11	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	(2.328)	(1.844)
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	(2.328)	(1.844)

Người lập biểu



TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng



LÊ THẢO PHƯƠNG



Giám Đốc



TRẦN MẠNH HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		20.600.376.866	46.042.063.128
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(14.392.633.173)	(42.199.632.118)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.848.698.807)	(2.440.088.211)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	VI.4	(199.676.153)	(2.808.123.149)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	-	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		458.209.132	1.019.533.558
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.690.497.267)	(2.115.586.034)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.927.080.598	(2.501.832.826)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.3	175.097	317.813
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		175.097	317.813
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.1	1.650.000.000	13.931.835.538
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(3.650.434.161)	(12.082.621.259)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.000.434.161)	1.849.214.279
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		(73.178.466)	(652.300.734)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		151.961.197	804.261.931
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	78.782.731	151.961.197

Người lập biểu

[Signature]

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

[Signature]

LÊ THẢO PHƯƠNG



Bình Định, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Giám Đốc

TRẦN MẠNH HÙNG

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nen Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/07/2023. Tại lần điều chỉnh này, Công ty đã thay đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Bitco Bình Định.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch trên sàn UpCom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 1034/QĐ-SGDHN ngày 27/12/2017 của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là BTN.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,....

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nen, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Buôn bán vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2024, Công ty không phát sinh hoạt động buôn bán hàng hóa nông sản nên doanh thu hoạt động giảm 63% so với năm trước. Bên cạnh đó, giá trị sản phẩm hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên trong năm lớn đồng thời nhà máy gạch hoạt động dưới công suất bình thường, doanh thu bán thành phẩm gạch các loại không đủ bù đắp các chi phí cố định nên năm nay Công ty vẫn chưa có lãi.

Ngoài ra, không có sự kiện về môi trường pháp lý, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi quy mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

11-11-2024

01,
NH
TU
À TU
VI
ANG
TP

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

8. Nhân viên

Tại ngày 31/12/2024, Công ty có 23 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2024 là 20 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.
- Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các chi phí trả trước khác

Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	6 - 20
Thiết bị dụng cụ quản lý	8

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

8. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

9. Vốn chủ sở hữu***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở

hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán thành phẩm gạch các loại và bán hàng hóa nông sản

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi

suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.853.588	16.194.008
Tiền gửi ngân hàng	69.929.143	135.767.189
Cộng	<u>78.782.731</u>	<u>151.961.197</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	1.664.713.189	4.306.082.632
- Công ty TNHH Hương Giang	326.252.000	262.670.160
- Công ty CP Xây Dựng Công Nghiệp An Phú Hưng	302.528.000	462.528.000
- Công ty TNHH TM DV & XD Mạnh Hùng	183.040.000	183.040.000
- Công ty TNHH Đầu Tư và XD Định Bình	172.009.960	38.786.023
- Các đối tượng khác	680.883.229	3.359.058.449
Cộng	<u>1.664.713.189</u>	<u>4.306.082.632</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.116.859.760	708.637.475
- Công ty CP Xây Dựng Và TM Đất Việt	663.000.000	663.000.000
- Công ty TNHH Hai Mai	296.859.760	-
- Công ty TNHH Một thành viên Dũng Nhật	147.000.000	-
- Các đối tượng khác	10.000.000	45.637.475
Cộng	<u>1.116.859.760</u>	<u>708.637.475</u>

B17
 H N
 VG
 OÁ
 UÁ
 ĐÁ
 HÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	14.394.218	-	-	-
Phải thu nhân viên về BHXH	14.394.218	-	-	-
<i>Tạm ứng CBCNV</i>	-	-	2.900.000	-
Cộng	14.394.218	-	2.900.000	-

5. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	28.873.641	28.873.641
Số cuối năm	28.873.641	28.873.641

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	28.873.641	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	28.873.641
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	28.873.641	28.873.641

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	202.409.665	-	170.865.597	-
Công cụ, dụng cụ	142.444.881	-	26.960.267	-
Thành phẩm	2.197.791.337	(499.887.643)	2.826.974.406	(135.374.297)
Hàng hóa	14.059.869	-	305.715.522	-
Cộng	2.556.705.752	(499.887.643)	3.330.515.792	(135.374.297)

Thành phẩm chủ yếu là gạch nhẹ AAC các loại và tấm panel ALC.

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất, không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 1.365.489.981 đồng, Công ty căn cứ vào giá trị ước tính có thể thu hồi và đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là 499.887.643 đồng.

5-
HÀ
TY
V.V
N
TẠI
NÀ
J-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay và nợ tại thời điểm 31/12/2024.

7. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	84.000.000	67.500.000
Chi phí trả trước khác	32.407.405	7.619.044
Cộng	<u>116.407.405</u>	<u>75.119.044</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	75.119.044	79.125.000
Tăng trong năm	744.645.691	445.382.804
Phân bổ trong năm	(703.357.330)	(449.388.760)
Số dư cuối năm	<u>116.407.405</u>	<u>75.119.044</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất	375.649.534	385.040.772
Cộng	<u>375.649.534</u>	<u>385.040.772</u>

Chi phí thuê đất làm nhà xưởng Công ty theo thông báo số 98/TB-CCT ngày 07/02/2018 của Chi cục thuế huyện Tuy Phước, thời gian thuê đất là 47 năm.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số dư đầu năm	385.040.772	394.432.010
Tăng trong năm	-	-
Phân bổ trong năm	(9.391.238)	(9.391.238)
Số dư cuối năm	<u>375.649.534</u>	<u>385.040.772</u>

 011
NH
TU
VII
P.F

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	31.585.333.260	60.453.103.329	465.002.750	92.503.439.339
Mua sắm trong năm	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	31.585.333.260	60.453.103.329	465.002.750	92.503.439.339
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	19.916.877.916	18.221.363.292	316.189.757	38.454.430.965
Khấu hao trong năm	915.856.645	3.073.152.180	44.643.900	4.033.652.725
T/ly, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối năm	20.832.734.561	21.294.515.472	360.833.657	42.488.083.690
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	11.668.455.344	42.231.740.037	148.812.993	54.049.008.374
Số cuối năm	10.752.598.699	39.158.587.857	104.169.093	50.015.355.649

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 47.675.439.137 đồng. Bao gồm nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch nhẹ AAC, xem thuyết minh số V.15.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 17.638.248.575 đồng.
- Công ty không có TSCĐ chờ thanh lý tại ngày 31/12/2024.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	1.948.655.898	3.315.710.989
- Công ty TNHH Tư Vấn Và Đầu Tư I.F.D Group	447.373.016	447.373.016
- Công ty CP Bicem	203.474.400	348.099.292
- Các đối tượng phải trả khác	1.297.808.482	2.520.238.681
Cộng	1.948.655.898	3.315.710.989

Trong đó, nợ quá hạn tại ngày 31/12/2024 là 124.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	1.013.421.151	37.426.253
- Cty TNHH SX TM Gạch Bê Tông Nhẹ Bình Định	963.421.151	-
- Các đối tượng khác	50.000.000	37.426.253
Cộng	<u>1.013.421.151</u>	<u>37.426.253</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>
	<u>Phải nộp</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>
Thuế thu nhập cá nhân	9.121.405	21.470.487	3.872.464	26.719.428
Tiền thuế đất	339.906.613	485.580.876	582.697.051	242.790.438
Các loại thuế khác	-	16.801.185	16.801.185	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>349.028.018</u>	<u>526.852.548</u>	<u>606.370.700</u>	<u>269.509.866</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với gạch các loại thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024, mặt hàng gạch các loại được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng là 8% theo quy định tại Nghị định số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội và Nghị định số 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29/06/2024 của Quốc hội.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh gạch không nung, gạch nhẹ aac:
 - Công ty được ưu đãi thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ 01/01/2016 áp dụng thuế suất là 17%).
 - Miễn 2 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có Thu nhập chịu thuế.

Những ưu đãi trên đây được quy định tại khoản 4, điều 19 và khoản 3, điều 20 Thông tư số 78/TT-BTC ngày 18/06/2014.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh gạch không nung và gạch nhẹ AAC	(9.393.636.678)	(950.793.320)
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	(840.967.812)	(7.158.986.981)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	5.183.072.577	5.260.265.035
- Các khoản điều chỉnh tăng	5.183.072.577	5.260.265.035
+ Chi phí lãi vay không được trừ	4.612.020.730	3.333.631.920
+ Thủ lao HĐQT không trực tiếp điều hành	162.892.800	158.054.400
+ Khấu hao nhà máy gạch AAC tạm ngừng sản xuất	287.103.342	1.722.620.052
+ Chi phí không hợp lý hợp lệ khác	121.055.705	45.958.663
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	(5.051.531.913)	(2.849.515.266)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN được miễn, giảm	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Các loại thuế khác

➤ Công ty kê khai và nộp theo quy định.

12. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	741.567.999	-
Tiền thưởng phải trả	-	-
Cộng	741.567.999	-

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay dự trả	7.833.929.446	3.388.838.843
Trích trước chi phí thuê xe	152.305.156	458.291.029
Chi phí phải trả khác	52.290.871	109.602.773
Cộng	8.038.525.473	3.956.732.645

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả khác ngắn hạn, dài hạn****a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng và cá nhân khác</i>	1.036.426.798	819.711.217
- Tiền thù lao HĐQT, BKS phải trả	806.699.871	592.197.471
- Nhận ký quỹ, ký cược	100.000.000	-
- Tiền lãi vay phải trả	57.845.974	90.592.000
- Phải trả khác	71.880.953	136.921.746
Cộng	<u>1.036.426.798</u>	<u>819.711.217</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	374.830.000	350.950.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	374.830.000	350.950.000
Cộng	<u>374.830.000</u>	<u>350.950.000</u>

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính****a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
- Ông Mai Thế Dũng	392.000.000	392.000.000	392.000.000	392.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	25.721.801.038	25.721.801.038	24.747.547.199	24.747.547.199
Vay ngắn hạn ngân hàng	14.634.942.914	14.634.942.914	15.638.376.911	15.638.376.911
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Phú Tài (i)	4.634.942.914	4.634.942.914	5.638.376.911	5.638.376.911
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN Bình Định (ii)	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (iv)	960.000.000	960.000.000	2.798.000.000	2.798.000.000
- Bà Trần Thị Bích Vân	270.000.000	270.000.000	1.529.000.000	1.529.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thu Hà	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
- Ông Lê Văn Hòa	350.000.000	350.000.000	350.000.000	350.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thắm	40.000.000	40.000.000	100.000.000	100.000.000
- Ông Lâm Quang Thiện	-	-	139.000.000	139.000.000
- Bà Đặng Thị Như Hà	-	-	180.000.000	180.000.000
- Công ty TNHH Techable	-	-	150.000.000	150.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Phương	-	-	50.000.000	50.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	10.126.858.124	10.126.858.124	6.311.170.288	6.311.170.288
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển VN - CN Phú Tài (iii)	294.076.029	294.076.029	453.076.029	453.076.029
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN Bình Định	9.832.782.095	9.832.782.095	5.858.094.259	5.858.094.259
Cộng	26.113.801.038	26.113.801.038	25.139.547.199	25.139.547.199

- (i) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn theo hợp đồng cho vay hạn mức số 2458/2020/HĐHM ngày 20/08/2020: Hạn mức cho vay tối đa là 8.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 11 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn. Tại ngày 31/12/2024, toàn bộ số dư nợ vay này đã quá hạn thanh toán và chịu lãi suất quá hạn là 11,7%/năm.
- (ii) Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng cho vay số BHD/23001 ngày 13/01/2023: Hạn mức cho vay tối đa là 10.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 06 tháng. Lãi suất cho vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân vốn. Tại ngày 31/12/2024, toàn bộ số dư nợ vay này đã quá hạn thanh toán và chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.
- (iii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài theo hợp đồng tín dụng Số 01/2014/309602/HĐTD ngày 27 tháng 11 năm 2014. Tổng số tiền vay là 21.000.000.000 đồng; mục đích vay: Dự án đầu tư nhà máy gạch không nung – bê tông nhẹ, gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 81 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời gian ân hạn là 12 tháng; lãi suất vay được xác định tại thời điểm rút vốn đầu tiên là 7,5%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

chấp: toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch không nung hình thành từ vốn vay, xem thuyết minh số V.8. Tại ngày 31/12/2024, toàn bộ số dư nợ vay này đã quá hạn thanh toán.

- (iv) Vay ngắn hạn một số cá nhân theo từng hợp đồng vay riêng lẻ. Các hợp đồng vay này có kỳ hạn không quá 12 tháng, lãi suất được xác định trên từng hợp đồng vay vốn.

b. Dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn các bên liên quan (Xem thuyết minh số VIII.1)	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
- Ông Trần Mạnh Hùng	500.000.000	500.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Ngọc Linh	500.000.000	500.000.000	-	-
Vay dài hạn các đối tượng khác	2.667.177.741	2.667.177.741	6.641.865.741	6.641.865.741
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh vượng - CN Bình Định	2.667.177.741	2.667.177.741	6.641.865.741	6.641.865.741
Cộng	3.667.177.741	3.667.177.741	6.641.865.741	6.641.865.741

- Vay dài hạn một số cá nhân theo các hợp đồng vay riêng lẻ. Các hợp đồng vay này có thời hạn vay là 02 năm, lãi suất 9%/năm.
- Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng vay số SME/BDH/18/0029/HDTD ngày 26 tháng 6 năm 2018; phụ lục hợp đồng cho vay số SME/BDH/18/0029/PLHDTD ngày 22 tháng 11 năm 2018. Tổng số tiền cho vay là 25.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn để thanh toán hoặc hoàn vốn tiền đầu tư xây dựng công trình và mua sắm máy móc thiết bị cho dự án Công trình nhà xưởng sản xuất gạch không nung - bê tông nhẹ; gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 84 tháng kể từ ngày bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên; lãi suất cho vay quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp bao gồm: Toàn bộ nhà xưởng sản xuất gạch không nung – bê tông nhẹ, gạch polyme khoáng tổng hợp; Toàn bộ dây chuyền sản xuất gạch không nung – bê tông nhẹ, gạch polyme khoáng tổng hợp hình thành từ vốn vay; Toàn bộ quyền sử dụng đất tọa lạc tại thửa đất số 910, Tờ bản đồ số 8, Thôn Phú Mỹ 2, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định thuộc sở hữu của bên vay.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	904.936.746	-	139.623.499	765.313.247
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	190.897.323	-	-	190.897.323
Cộng	1.095.834.069	-	139.623.499	956.210.570

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số tại 01/01/2023	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(19.963.231.119)	31.080.532.134
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(8.109.780.301)	(8.109.780.301)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2023	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(28.073.011.420)	22.970.751.833
Số dư tại 01/01/2024	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(28.073.011.420)	22.970.751.833
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(10.234.604.490)	(10.234.604.490)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2024	44.655.700.000	7.076.143.253	(688.080.000)	(38.307.615.910)	12.736.147.343

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Vốn góp	Tỷ lệ	Vốn góp
Ông Nguyễn Ngọc Linh	15,08%	6.734.000.000	0,00%	-
Ông Mai Thế Dũng	7,03%	3.141.000.000	7,03%	3.141.000.000
Ông Phạm Công Nhựt	4,81%	2.149.000.000	4,80%	2.145.000.000
Các cổ đông khác	73,07%	32.631.700.000	88,16%	39.369.700.000
Cộng	100,00%	44.655.700.000	100,00%	44.655.700.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	44.655.700.000	44.655.700.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	44.655.700.000	44.655.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.465.570	4.465.570
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.465.570	4.465.570
- Cổ phiếu thường	4.465.570	4.465.570
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.808	68.808
- Cổ phiếu thường	68.808	68.808
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.396.762	4.396.762
- Cổ phiếu thường	4.396.762	4.396.762
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	(28.073.011.420)	(19.963.231.119)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm này	(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	<u>(38.307.615.910)</u>	<u>(28.073.011.420)</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.491.992.035	46.788.919.472
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch không nung	10.614.722.975	7.363.225.799
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch nhẹ AAC, tấm panel	2.406.914.609	1.305.540.468
+ Doanh thu bán hàng hóa nông sản	-	31.812.435.130
+ Doanh thu bán hàng hóa gạch các loại	3.265.420.800	5.440.386.074
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển và cho thuê nhà xưởng	1.204.933.651	867.332.001
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	<u>17.491.992.035</u>	<u>46.788.919.472</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

11/11/2024
H
NH
TUV
LÊ
Đ

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm gạch không nung	7.288.764.357	4.742.973.759
Giá vốn thành phẩm gạch nhẹ AAC, tấm panel, trong đó:	7.767.479.470	3.169.928.889
- Giá vốn bán thành phẩm gạch nhẹ AAC, tấm panel	3.042.872.868	1.543.189.909
- Giá vốn gạch nhẹ AAC hư hỏng do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên	1.624.891.762	8.386.502
- Chi phí sản xuất nhà máy gạch AAC hoạt động dưới mức công suất bình thường	3.099.714.840	1.618.352.478
Giá vốn bán nông sản	-	31.704.580.865
Giá vốn bán hàng hóa gạch các loại	2.280.079.436	4.539.089.387
Giá vốn dịch vụ vận chuyển và cho thuê nhà xưởng	72.411.600	106.678.478
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	364.513.346	106.368.700
Cộng	<u><u>17.773.248.209</u></u>	<u><u>44.369.620.078</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	175.097	317.813
Cộng	<u><u>175.097</u></u>	<u><u>317.813</u></u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.612.020.730	3.823.483.923
Cộng	<u><u>4.612.020.730</u></u>	<u><u>3.823.483.923</u></u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	373.121.449	213.004.779
Chi phí dịch vụ mua ngoài	715.403.278	921.895.808
Chi phí khác bằng tiền	1.321.623.355	1.517.943.157
Cộng	<u><u>2.410.148.082</u></u>	<u><u>2.652.843.744</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1.354.861.776	1.247.070.893
Chi phí dịch vụ mua ngoài	918.956.782	766.574.209
Chi phí bằng tiền khác	99.936.642	118.889.377
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	28.873.641
Cộng	<u>2.373.755.200</u>	<u>2.161.408.120</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý công nợ	11.002.446	34.967.200
Các khoản thu nhập khác	2.450.000	4.234
Cộng	<u>13.452.446</u>	<u>34.971.434</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao nhà máy gạch AAC tạm ngừng sản xuất	287.103.342	1.722.620.052
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	62.054.015	-
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	162.892.800	158.054.400
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	58.999.586	45.958.663
Xử lý công nợ	2.104	40
Cộng	<u>571.051.847</u>	<u>1.926.633.155</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	4.396.762	4.396.762
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	<u>(2.328)</u>	<u>(1.844)</u>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.465.570	4.465.570
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	(68.808)	(68.808)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	<u>4.396.762</u>	<u>4.396.762</u>

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	(10.234.604.490)	(8.109.780.301)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	4.396.762	4.396.762
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>(2.328)</u>	<u>(1.844)</u>

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.086.091.798	3.714.201.786
Chi phí nhân công	3.877.331.852	2.780.376.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.746.549.383	2.320.293.469
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.079.431.010	2.031.087.163
Chi phí khác bằng tiền	1.493.971.597	1.792.874.028
Cộng	<u>19.283.375.640</u>	<u>12.638.832.605</u>

02
 KI
 02

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.650.000.000	13.931.835.538
Cộng	<u>1.650.000.000</u>	<u>13.931.835.538</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc đã vay theo kế ước thông thường	3.650.434.161	12.082.621.259
Cộng	<u>3.650.434.161</u>	<u>12.082.621.259</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH
 CHỖ CHỮ KÝ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt**

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2024			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Nguyễn Mậu Hoàng	Chủ tịch HĐQT	-	35.481.600	-	35.481.600
	Nguyễn Mậu Hoàng	P. Chủ tịch HĐQT	-	2.688.000	-	2.688.000
2	Mai Thế Dũng	Thành viên HĐQT	-	13.977.600	-	13.977.600
	Mai Thế Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	3.225.600	-	3.225.600
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	391.065.000	25.804.800	-	416.869.800
4	Đặng Trí Đức	Thành viên HĐQT	-	9.676.800	-	9.676.800
5	Phạm Đình Lộc	Thành viên HĐQT	-	9.676.800	-	9.676.800
6	Ngô Quốc Vương	Thành viên HĐQT	-	13.977.600	-	13.977.600
7	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên HĐQT	-	16.128.000	-	16.128.000
8	Chu Quý Dương	Trưởng Ban kiểm soát	-	32.256.000	-	32.256.000
9	Ngô Văn Quang	Thành viên BKS	278.704.518	25.804.800	-	304.509.318
10	Đinh Thị Hà	Thành viên BKS	-	25.804.800	-	25.804.800
11	Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	303.314.810	-	-	303.314.810
	Tổng cộng		973.084.328	214.502.400	-	1.187.586.728

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	Năm 2023			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Mai Thế Dũng	Chủ tịch HĐQT	-	38.707.200	-	38.707.200
2	Nguyễn Mậu Hoàng	P. Chủ tịch HĐQT	-	13.440.000	-	13.440.000
3	Trần Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	318.140.000	29.568.000	-	347.708.000
4	Ngô Quốc Vương	Thành viên HĐQT	-	25.804.800	-	25.804.800
5	Nguyễn Thị Hồng Phương	Thành viên HĐQT	-	15.052.800	-	15.052.800
6	Nguyễn Thị Thanh Vi	Thành viên HĐQT	-	15.052.800	-	15.052.800
7	Nguyễn Thị Thắm	Thành viên HĐQT	-	10.752.000	-	10.752.000
8	Chu Quý Dương	Trưởng Ban Kiểm soát	-	13.440.000	-	13.440.000
9	Lê Ngọc Sơn	Trưởng Ban kiểm soát	23.053.077	18.816.000	-	41.869.077
10	Nguyễn Văn Hưng	Thành viên BKS	-	15.052.800	-	15.052.800
11	Đinh Thị Hà	Thành viên BKS	-	10.752.000	-	10.752.000
12	Ngô Văn Quang	Thành viên BKS	202.080.728	25.804.800	-	227.885.528
13	Lê Thảo Phương	Kế toán trưởng	254.520.004	-	-	254.520.004
	Tổng cộng		797.793.809	232.243.200	-	1.030.037.009

Các thành viên quản lý chủ chốt có phát sinh giao dịch trong năm

Bên liên quan**Mối quan hệ**

Ông Mai Thế Dũng
 Ông Trần Mạnh Hùng
 Bà Lê Thảo Phương
 Ông Nguyễn Ngọc Linh

Chủ tịch HĐQT
 Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
 Kế toán trưởng
 Cổ đông lớn

017
 HIN
 01
 DAN
 UAI
 T
 DAN
 AU

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Ông Mai Thế Dũng	Vay	-	392.000.000
Bà Lê Thảo Phương	Trả gốc vay	-	393.000.000
Ông Trần Mạnh Hùng	Vay	500.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Vay	500.000.000	-

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Bên liên quan	Nội dung	31/12/2024	01/01/2024
Ông Mai Thế Dũng	Vay ngắn hạn	392.000.000	392.000.000
Ông Trần Mạnh Hùng	Vay dài hạn	500.000.000	-
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Vay dài hạn	500.000.000	-

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Gạch các loại	Cung cấp dịch vụ	Hàng hóa nông sản	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	16.287.058.384	1.204.933.651	-	-	17.491.992.035
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	16.287.058.384	1.204.933.651	-	-	17.491.992.035
Giá vốn bộ phận	17.700.836.609	72.411.600	-	-	17.773.248.209
Lợi nhuận gộp bộ phận	(1.413.778.225)	1.132.522.051	-	-	(281.256.174)
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	14.109.152.341	867.332.001	31.812.435.130	-	46.788.919.472
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.109.152.341	867.332.001	31.812.435.130	-	46.788.919.472
Giá vốn bộ phận	12.558.360.735	106.678.478	31.704.580.865	-	44.369.620.078
Lợi nhuận gộp bộ phận	425.550.014	506.947.973	11.077.180	-	2.419.299.394

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BITCO BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Như được trình bày trong báo cáo tài chính, Công ty đã phát sinh khoản lỗ trong năm là (10.234.604.490) đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2024 là (38.307.615.910) đồng và nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 33.612.850.099 đồng. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, các cổ đông cam kết sẽ hỗ trợ tài chính cho Công ty để đảm bảo Công ty có đủ nguồn lực thanh toán các khoản nợ đến hạn và phục hồi sản xuất. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 vẫn được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bình Định, ngày 20 tháng 03 năm 2025

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Người lập biểu

LÊ THẢO PHƯƠNG

Kế toán trưởng



TRẦN MẠNH HÙNG

Giám đốc

